TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 614/2018/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 05 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 563/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Ngô Vũ Tuấn A, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: P209 Chung cư Đường s, 35 Láng H, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: 26 Nguyễn B, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh H kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 03 năm và anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội ngày 26/11/2009 nên hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống tại Hà Nội, nhưng do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2013 chị H về Huế sinh con thì vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, yêu thương nhau nữa chỉ có trách nhiệm với con cái. Do mâu thuẫn không thể khắc phục được nên anh Tuấn A và chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh H chung sống có 02 con chung là Ngô Gia K, sinh ngày 08/6/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 09/01/2013. Nguyện vọng của cháu Kmuốn ở với chị H nên anh Tuấn A và chị Hthỏa thuận giao cả hai con chung Gia K và Gia H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi

hai con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) .

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh Hchung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 26/10/2018), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Ngô Gia K, sinh ngày 08/6/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 09/01/2013 cho chị Nguyễn Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) .

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ngô Vũ Tuấn A và chị Nguyễn Thanh H chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Vũ Tuấn A, chị Nguyễn Thanh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh Tuấn A và chị H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/006059 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nên được khấu trừ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND P Thanh Xuân Bắc, Hà Nội (ĐKKH ngày 26/11/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh